TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 23/6/2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Toan

ông Nguyễn Văn Cử

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Lê Thị X, sinh năm 1997; nơi ĐKHKTT: xóm HD, xã Y Đ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ hiện nay: thôn Trung Đồng, xã YN, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình "có đơn xin xét xử vắng mặt".

- **Bị đơn**: anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm HD, xã Y Đ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Lê Thị X) kết hôn với anh Phạm Ngọc B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2015 tại UBND xã Y Đ, huyện Yên Mô. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm HD, xã Y Đ, huyện Yên Mô. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh B chơi bời, không quan tâm gì đến vợ con; anh B còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã phải nhờ đến chính quyền xóm can thiệp. Chính vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và nhiều lần chị X bị anh B đánh đập. Sự việc xảy ra hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng không khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng. Do không thể tiếp tục chung sống được với anh B, tháng

02/2022 chị X đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Trung Đồng, xã YN, huyện Yên Mô để ở và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh B không quan tâm gì đến chị và các con. Năm 2024, chị X đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh B, Tòa án tiến hành hòa giải vụ án, chị X đã rút đơn hy vọng vợ chồng về đoàn tụ, nhưng sau đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Ngọc B.

Về con chung: chị X xác nhận vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 14/9/2015; cháu Phạm Ngọc Thu Tr, sinh ngày 06/4/2019 và cháu Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 21/9/2020. Khi ly hôn chị X có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Tr và cháu Ng, chị X đề nghị anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn A. Chị X không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, vì hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH ASIA+ với mức thu nhập bình quân khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản và nợ chung: chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Ngọc B, nơi cư trú tại xóm HD, xã Y Đ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Yên Mô đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B, tuy nhiên anh B đi làm không có mặt ở nhà do đi làm từ sáng sớm đến tối muộn mới về, gia đình anh B từ chối nhận thay, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, đồng thời Tòa án cũng ra thông báo yêu cầu anh B cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh B không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị X.

Tại B bản lấy lời khai ngày 07/4/2025 cháu Phạm Ngọc Tuấn A trình bày: cháu xác nhận bố mẹ cháu là Phạm Ngọc B và Lê Thị X, trong cuộc sống bố mẹ các cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã không sống chung với nhau từ nhiều năm nay. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin được ở với bố, để mẹ cháu đỡ vất vả vì mẹ cháu còn phải nuôi 02 em, cháu rất mong Tòa án xem xét đến nguyện vọng của cháu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, ông Lê Ngọc T - Trưởng xóm HD, xã Y Đ, huyện Yên Mô cung cấp: anh Phạm Ngọc B và chị Lê Thị X là công dân xã Y Đ, đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm HD, xã Y Đ, kết hôn với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh B tại xóm HD, xã Y Đ. Quá trình chung sống anh B chị X xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, anh B còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chính quyền địa phương đã phải đến can thiệp yêu cầu anh B chấm dứt mối quan hệ bất chính đó. Đến đầu năm 2022, vợ chồng anh B chị X lại xảy ra xô xát, chị X đã đưa cả 03 con chung về nhà bố mẹ đẻ tại xã YN để ở, hai

bên không quan tâm gì đến nhau. Anh B làm công việc lao động tự do nên thường xuyên sáng đi, tối về và hay ngủ ngoài đầm nuôi thủy sản của gia đình, cũng ngay gần nhà bố mẹ đẻ anh B, việc chị Xuyên xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh B, chị X có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn A, cháu Phạm Ngọc Thu Tr và cháu Phạm Thị Kim Ng. Hiện cả 03 cháu đều đang ở cùng với chị X từ khi vợ chồng sống ly thân. Theo quan điểm cá nhân tôi thì khi chị X và anh B ly hôn Tòa án nên giao cho anh B nuôi một cháu vì anh B có nhà cửa ổn định, sống chung với bố mẹ đẻ, bố mẹ đẻ anh B còn trẻ và khỏe, mặt khác để giảm bớt gánh nặng cho chị X trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn. Về tài sản chung: sau khi cưới anh B, chị X ở chung nhà với bố mẹ anh B nên không có tài sản chung, còn có khoản nợ chung nào không thì địa phương không biết.

Tại B bản xác minh ngày 07/4/2025, Công an xã Y Đ, huyện Yên Mô cung cấp: anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1992; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm HD, xã Y Đ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Qua kiểm tra dữ liệu quản lý về cư dân quốc gia thì B không thực hiện việc cắt khẩu hay chuyển khẩu đi nơi khác và không đăng ký tạm trú tại địa phương khác. Anh B vẫn đang sinh sống tại địa phương, do anh B làm nghề lao động tự do nên thường xuyên đi làm từ sáng đến tối mới về nhà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Lê Thị X ly hôn anh Phạm Ngọc B. Giao 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Thu Tr, sinh ngày 06/4/2019 và cháu Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 21/9/2020 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 14/9/2015 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; các bên có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị X phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Ngọc B, sinh

năm 1992; địa chỉ: xóm HD, xã Y Đ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị X có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc B, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã tống đạt (niêm yết) giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh B. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 06/6/2025 anh Phạm Ngọc B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 23/6/2025, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Phạm Ngọc B vẫn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn chị Lê Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị X và anh Phạm Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 21/8/2015 tại UBND xã Y Đ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh B và chị X không thực hiện đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau và nhiều lần anh B đánh đập chị X; anh B còn có quan hệ bất chính với người khác, chính quyền thôn xóm phải đến can thiệp. Hiện chị X, anh B đã sống ly thân được 04 năm, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh B đang sinh sống tại địa phương và đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị X với anh, nhưng anh B không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị X. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh B làm việc, anh B không hợp tác. Như vậy, giữa anh B và chị X không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh B không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Lê Thị X được ly hôn anh Phạm Ngọc B là có căn cứ.

[3] Về con chung*:* chị X, anh B có 03 con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 14/9/2015, cháu Phạm Ngọc Thu Tr, sinh ngày 06/4/2019 và cháu Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 21/9/2020. Hiện nay các cháu đang ở với chị X tại thông Trung Đồng, xã YN, huyện Yên Mô. Quá trình giải quyết vụ án, chị X có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Thu Tr và cháu Phạm Thị Kim Ng. Đề nghị anh B trực triếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Tuấn A. Chị X không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung của chị X là có cơ sở vì hiện nay chị làm công nhân tại Công ty TNHH ASIA+ mức thu nhập bình quân khoảng 12.000.000 đồng/tháng cơ bản đảm bảo mức chi tiêu, sinh hoạt của 03 mẹ con. Việc chị X đề nghị anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Tuấn A là để giảm bớt gánh nặng về kinh tế cho chị, đồng thời cũng để anh B cũng có trách nhiệm với con cái khi cha mẹ ly hôn, ý kiến này của chị X cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Ngọc Tuấn A về việc khi bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh B. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của chị X về vấn đề nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Giao chị X trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Thu Tr và cháu Phạm Thị Kim Ng; giao anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn A và không buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X như sự tự nguyện của chị X.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị X xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị X và anh Phạm Ngọc B.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Phạm Ngọc Thu Tr, sinh ngày 06/4/2019 và cháu Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 21/9/2020 cho chị Lê Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giao con chung là cháu Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 14/9/2015 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Anh Phạm Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị X.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Lê Thị X phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001585 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô; chị X đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKS huyện Yên Mô;*
- *THADS huyện Yên Mô;*
- *UBND xã Y Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Ngọc Hưng